

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN T  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1714/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 10/9/2018  
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hiền Long

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa
2. Bà Hồ Thị Lang

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vương Thị Lan Phương là Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 0363/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 209/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị A (có mặt)

Cư trú tại: 249/8 M, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Lê Thanh B (vắng mặt)

HKTT: 115/13 L, Phường G, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh

Tạm trú: 249/8 M, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, nguyên đơn là bà Trần Thị A trình bày: Bà và ông Lê Thanh B tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND Phường G, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64 quyển số 01/86 ngày 21/12/1986. Ngay từ sau khi chung sống, cuộc sống của vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã. Chồng bà là người nhu nhược, tính toán, cờ bạc và không quan tâm đến đời sống của vợ con nhưng vì thương các con nên tôi cố nhẫn nhịn cho đến nay, trước đây bà khởi kiện yêu cầu ly

hôn với ông Sơn một lần nhưng sau đó bà rút đơn và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Bà đã cố gắng cho ông B thời gian để thay đổi nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2013 cho đến nay. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thanh B.

Về con chung: Bà và ông Lê Thanh B có 02 con chung tên Lê Q, sinh ngày 20/01/1989 (đã trưởng thành) và Lê Thị X, sinh ngày 22/11/1993 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung và nợ chung: Bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án nhân dân quận T đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn là ông Lê Thanh B đến Tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa phát biểu: Ngoại trừ việc vi phạm thời hạn giao thông báo thụ lý cho bị đơn, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa. Nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là tranh chấp về việc “ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về nội dung:

Hội đồng xét xử xét thấy: Xét yêu cầu của nguyên đơn là bà Trần Thị A yêu cầu ly hôn đối với ông Lê Thanh B. Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 64 quyển số 01/86 ngày 21/12/1986 do Ủy ban nhân dân Phường 1, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà A, ông B có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, ngay từ khi chung sống, giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông Sơn là người nhu nhược, tính toán, cò

bạc và không quan tâm đến đời sống của vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nguyên đơn đã cho bị đơn thời gian để thay đổi nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2013 cho đến nay.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn để hòa giải nhưng bị đơn là ông Lê Thanh B đã không đến Tòa án, qua đó cho thấy ông không quan tâm đến quan hệ hôn nhân, không có hành động tích cực để hàn gắn gia đình.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Lê Q, sinh ngày 20/01/1989 (đã trưởng thành) và Lê Thị X sinh ngày 22/11/1993 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Trần Thị A được ly hôn với ông Lê Thanh B.

2. Về con chung: Bà Trần Thị A với ông Lê Thanh B có 02 con chung tên Lê Q sinh ngày 20/01/1989 (đã trưởng thành) và Lê Thị X sinh ngày 22/11/1993 (đã trưởng thành).

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng bà Trần Thị A chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0004037 ngày 02/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị A đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Thanh B được quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.T ;
- Chi cục THADS Q.T;
- UBND Phường G, Q.V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Hiền Long**